

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

-----\*\*\*-----

**ĐÀO PHƯƠNG NAM**

**QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN  
ĐÔ THỊ VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NINH**

**LUẬN ÁN TIẾN SỸ  
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ CÔNG TRÌNH**

**Hà Nội – Năm 2024**

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại Học Kiến Trúc Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Nguyễn Tô Lăng

Phản biện 1: GS. TS. Đỗ Hậu

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

Phản biện 3: PGS.TS. Lương Tú Quyên

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp trường họp tại:  
Trường Đại Học Kiến Trúc Hà Nội

Vào hồi . . . giờ . . . ngày . . . tháng . . . năm 2024

Luận án có thể được tìm hiểu tại:

Thư viện trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội – Thư viện Quốc gia Việt Nam

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Quảng Ninh là một cực tăng trưởng quan trọng trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thuộc Vùng đồng bằng sông Hồng, đồng thời là một trong bốn trung tâm du lịch lớn của Việt Nam với di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long đã hai lần được UNESCO công nhận về giá trị thẩm mỹ và địa chất, địa mạo. Tính đến năm 2023, Quảng Ninh là Tỉnh có 6 năm liên tiếp đạt chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh (CPI) đứng thứ nhất ở Việt Nam. Là trung tâm phát triển công nghiệp, cảng; biển, dịch vụ, du lịch của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; là trung tâm du lịch Quốc tế, trung tâm cung cấp năng lượng cấp quốc gia; là cửa ngõ ra biển và ra quốc tế của khu vực. Hiện nay, Tỉnh Quảng Ninh có năm đô thị ven biển là: thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, thành phố Móng Cái, thị xã Quảng Yên, thị trấn Cái Rồng (Vân Đồn) là những địa bàn trọng điểm phát triển Du lịch trong Vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc.

Trong những năm qua, hệ thống đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh từng bước được hoàn thiện về quy hoạch đô thị và đầu tư cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, đối với tỉnh Quảng Ninh công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị nói chung chưa được quan tâm đúng mức nên chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý và phát triển; hệ thống các quy định, quy chế quản lý về kiến trúc cảnh quan khu vực ven biển của Quảng Ninh đang còn nhiều bất cập, chông chéo về đối tượng điều chỉnh với các văn bản khác nhau, chưa tạo được môi trường thuận lợi để huy động mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Nhiều dự án tập trung ven biển dẫn đến phải san đồi, lấp biển không phù hợp, tác động xấu đến môi trường, không gian, kiến trúc, cảnh quan. Tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái còn trầm trọng. Quy hoạch sử dụng đất chưa sát thực tế gây lãng phí đất đai, sử dụng đất sai mục đích. Việc lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc khu vực ven biển và thực hiện theo quy chế chưa nghiêm túc; nhiều dự án triển khai xây dựng chậm hoặc được triển khai khi còn vướng mắc trong thủ tục pháp lý, đang gây bức xúc trong dư luận xã hội, ảnh hưởng xấu đến không gian kiến trúc cảnh quan đô thị và do vậy ảnh hưởng xấu đến đời sống của nhân dân tại các đô thị này.

Đối với tỉnh Quảng Ninh, với vị trí là một trong những tỉnh có chiều dài ven biển lớn của Việt Nam, Tỉnh đang chịu ảnh hưởng trực tiếp của vấn đề BĐKH, đặc biệt là các vấn đề về nước biển dâng, sạt lở và bão lũ. Theo định hướng quy hoạch tổng thể đô thị của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn năm 2050, sẽ có 50% dân số đô thị vào năm 2050, phần lớn các đô thị quan trọng có vị trí ở vùng ven biển, và gắn kết chặt chẽ với kinh tế biển [87]. Quá trình đô thị hóa, việc mở rộng các khu dân cư vào các khu có nguy cơ thiên tai tiềm ẩn nhiều rủi ro trong khi hạ tầng đô thị chưa phát huy được nhu cầu phát triển đô thị. Để quản lý hiệu quả vùng bờ biển thì ngoài việc thắt chặt công

tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan ven biển, Quảng Ninh quan tâm đến BDKH cần xác định, đánh giá và áp dụng công tác hợp nhất nội dung quy hoạch xây dựng với thích ứng với BDKH.

Đến thời điểm hiện tại, đã có một số đề tài nghiên cứu về quản lý quy hoạch xây dựng khu vực ven biển, tuy nhiên, các đề tài khai thác trên khía cạnh quản lý quy hoạch khu du lịch ven biển, hoặc nghiên cứu về môi trường sinh thái, hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng... mà không tập trung phân tích khía cạnh quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển. Do đó, đề tài luận án “ **Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh**” phản ánh đầy đủ sự cần thiết, tính thời sự, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nhằm mục đích nâng cao chất lượng công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan, góp phần phát triển bền vững các khu đô thị ven biển.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Đề xuất các giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh góp phần đảm bảo thích ứng với BDKH nhằm tạo sự thống nhất trong quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị, phát huy giá trị truyền thống để gìn giữ bản sắc văn hoá của các đô thị ven biển, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Quảng Ninh.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### ***Đối tượng nghiên cứu:***

Công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh có lưu tâm đến biến đổi khí hậu

### ***Phạm vi nghiên cứu:***

- Về không gian: Các đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh (thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, thành phố Móng Cái, thị xã Quảng Yên, thị trấn Cái Rồng -Vân Đồn).
- Về thời gian: Định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra ngoài các phương pháp nghiên cứu như tổng hợp, phân tích, so sánh, luận án đã sử dụng chủ yếu hai phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng để xác định kết quả nghiên cứu.

## **5. Kết quả nghiên cứu**

NCS đã đánh giá được thực trạng công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh. Đánh giá được các tác động chính của BDKH

đến công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan tại Quảng Ninh. Đồng thời, xác định được và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý KG,KT,CQ tại các đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh.

## 6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

### *Ý nghĩa khoa học*

Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần hoàn thiện, bổ sung lý luận khoa học về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các đô thị ven Việt Nam.

### *Ý nghĩa thực tiễn*

Những đề xuất của luận án sẽ góp phần hoàn thiện cơ chế chính sách trong quản lý KGKTCQ cho các đô thị ven biển và có thể ứng dụng vào thực tế.

## 7. Những đóng góp mới của luận án

Luận án đã xác định được 9 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh.

Đề xuất bộ tiêu chí quản lý KGKTCQ đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh

Đề xuất 7 nhóm giải pháp quản lý KGKTCQ đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh có quan tâm đến thích ứng với BĐKH

Áp dụng thí điểm kết quả nghiên cứu quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan cho thành phố Hạ Long

## 8. Một số khái niệm, thuật ngữ

**Kiến trúc, cảnh quan không gian:** là kiến trúc, cảnh quan được tạo nên bởi các cấu trúc vật thể, đường giao thông đóng vai trò giới hạn không gian, bên trong không gian và/hoặc bởi sự liên kết của các thành tố đô thị khác liên quan đến nó. Kiến trúc, cảnh quan không gian gồm các kiến trúc, cảnh quan tự nhiên và cảnh quan nhân tạo [48]

- **Đô thị ven biển (Đô thị biển):** Đô thị ven biển gồm tập hợp các đô thị nằm ở vùng đồng bằng ven biển có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến biển. Đô thị ven biển không chỉ là không gian hẹp của từng điểm đô thị cụ thể, mà là không gian rộng lớn bao trùm nhiều đô thị, gọi là vùng đô thị hoá ven biển. [37]

**Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:** là QLNN có hệ thống nhằm đảm bảo tính thống nhất trong quản lý từ tổng thể đô thị đến các không gian cụ thể; có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan đô thị; phù hợp điều kiện, đặc điểm tự nhiên, tôn trọng tập quán, văn hóa địa phương; phát huy các giá trị truyền thống để gìn giữ bản sắc của từng vùng, miền trong kiến trúc, cảnh quan đô thị. [48]

## 8. Cấu trúc luận án

Luận án gồm ba phần : Mở đầu, Nội dung, Kết luận và kiến nghị. Trong đó nội

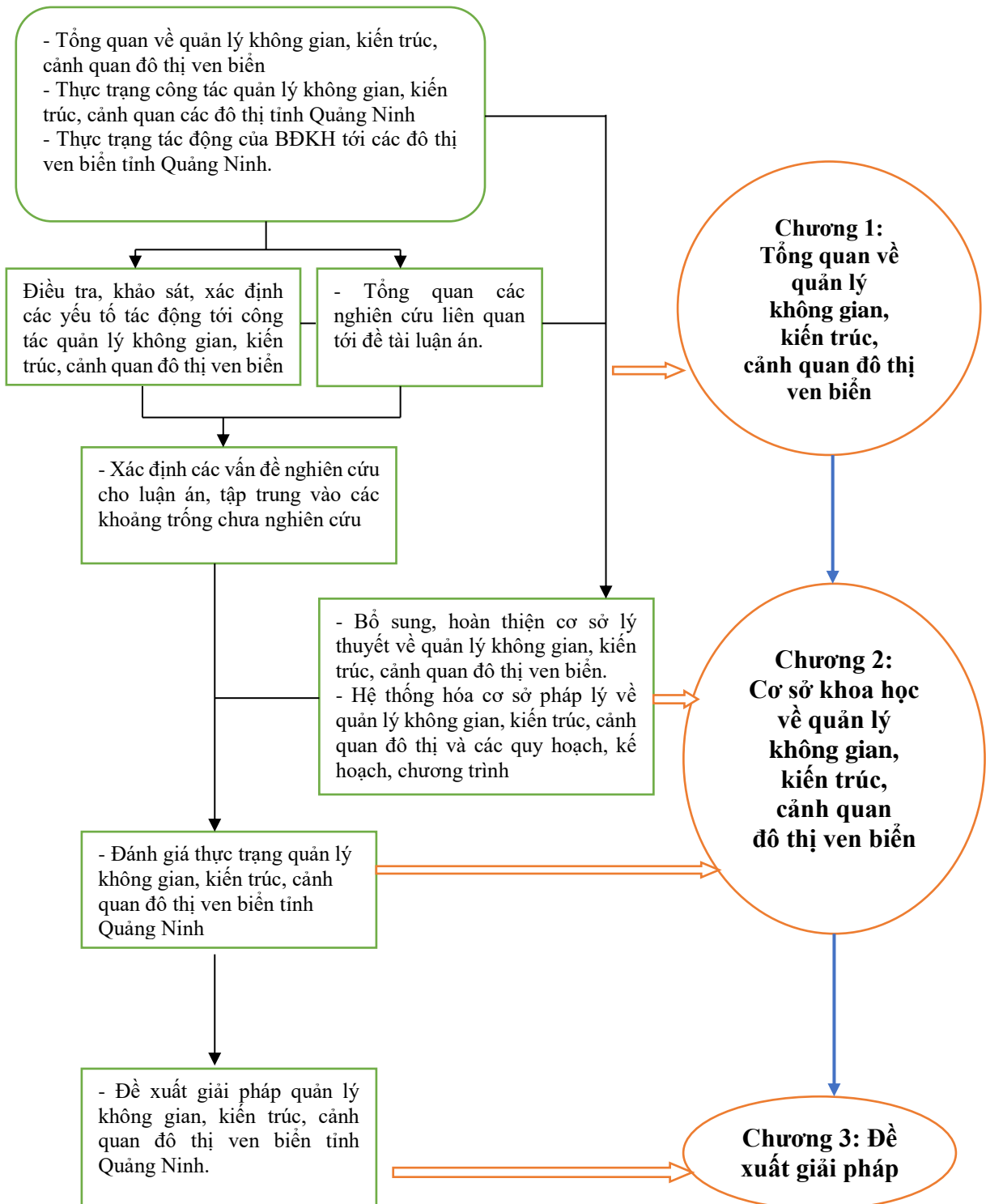
dung luận án gồm 3 chương :

- Chương 1: Tổng quan về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh

- Chương 2: Cơ sở khoa học để quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh

- Chương 3: Giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh

**Sơ đồ nghiên cứu thể hiện các nội dung chính của đề tài luận án hình 1.**



## NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN ĐÔ THỊ VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NINH

#### 1.1. Tổng quan về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển

##### 1.1.1. Tổng quan về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển

Theo thống kê của Liên Hợp Quốc, trên toàn cầu, các vùng ven biển đại diện cho 20% tổng diện tích bề mặt trái đất, phần lớn cư dân ở khu vực này cũng tập trung ở các điểm đô thị ven biển. Trải qua thời gian dài, nhiều đô thị ven biển trên thế giới hiện nay đã phát triển có quy mô lớn, thậm chí cực lớn.

##### 1.1.2. Tổng quan về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển tại Việt Nam

Khu vực ven biển Việt Nam được chia thành 3 vùng chính như sau:

(1) Ven biển phía Bắc: gồm 5 tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình với dân số khoảng 8,656 triệu người.

(2) Ven biển miền Trung gồm 14 tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, dân số khoảng 21,427 triệu người.

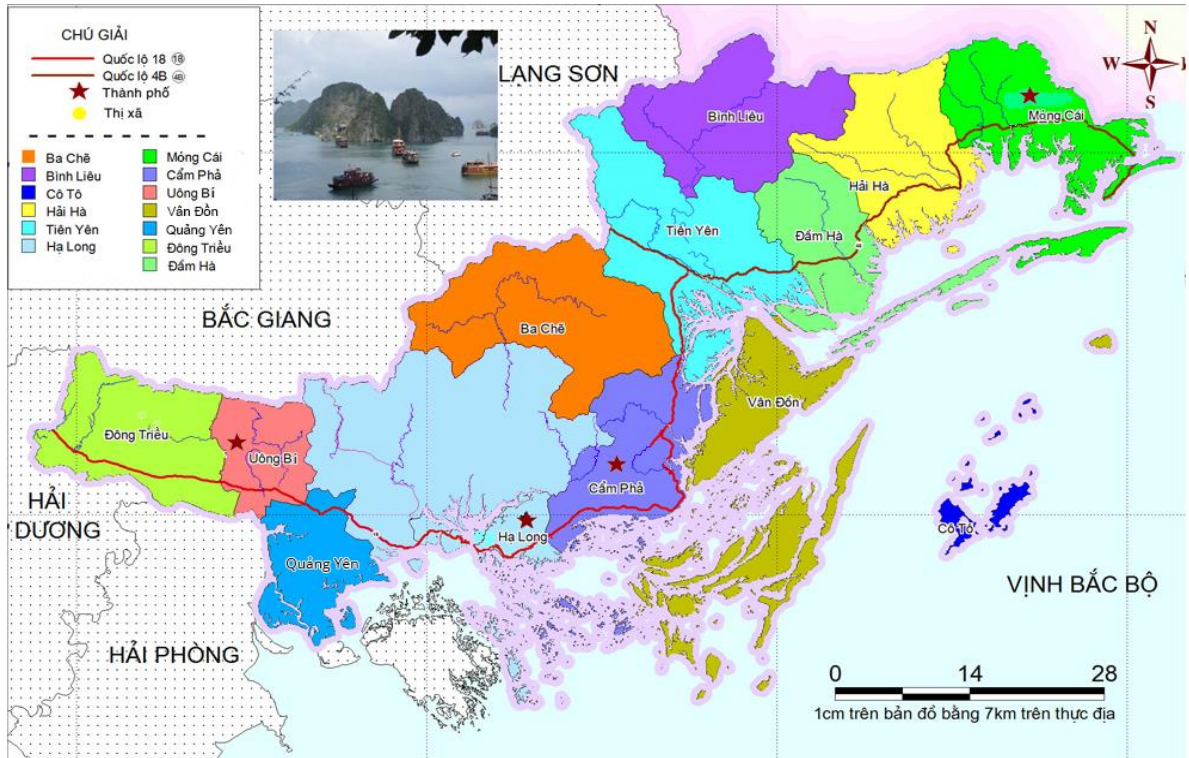
(3) Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long gồm 13 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang. Dân số 17,204 triệu người.

#### 1.2. Khái quát về tỉnh Quảng Ninh và các đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh

##### 1.2.1. Khái quát về tỉnh Quảng Ninh

Trong quy hoạch phát triển kinh tế, Quảng Ninh vừa thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía bắc vừa thuộc vùng duyên hải Bắc Bộ. Đây là tỉnh khai thác than đá chính của Việt Nam và có vịnh Hạ Long là di sản, kỳ quan thiên nhiên thế giới.

Tỉnh Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, bao gồm 4 thành phố, 2 thị xã và 7 huyện với 177 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 72 phường, 7 thị trấn và 98 xã [94].



Hình 1.8. Bản đồ tỉnh Quảng Ninh

[Nguồn: UBND tỉnh Quảng Ninh, năm 2022]

### 1.2.2. Khái quát về các đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh

Các đô thị ven biển của tỉnh Quảng Ninh, là các đô thị có một phần diện tích tiếp giáp trực tiếp với biển, một số nét riêng của các đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh cụ thể như sau:

**Bảng 1.4. Bảng tổng hợp phân cấp đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh**

STT	Tên đô thị	Loại đô thị (Năm 2010)	Loại đô thị thực tế (Năm 2020)	Ghi chú
1	Thành phố Hạ Long	II	I	Thành phố thuộc tỉnh
2	Thành phố Móng Cái	III	II	Thành phố thuộc tỉnh
3	Thành phố Cẩm Phả	III	II	Thành phố thuộc tỉnh
4	Thị xã Quảng Yên	V	III	Thị xã thuộc tỉnh
5	Thị trấn Cái Rồng (huyện Vân Đồn)	V	IV	Huyện lỵ

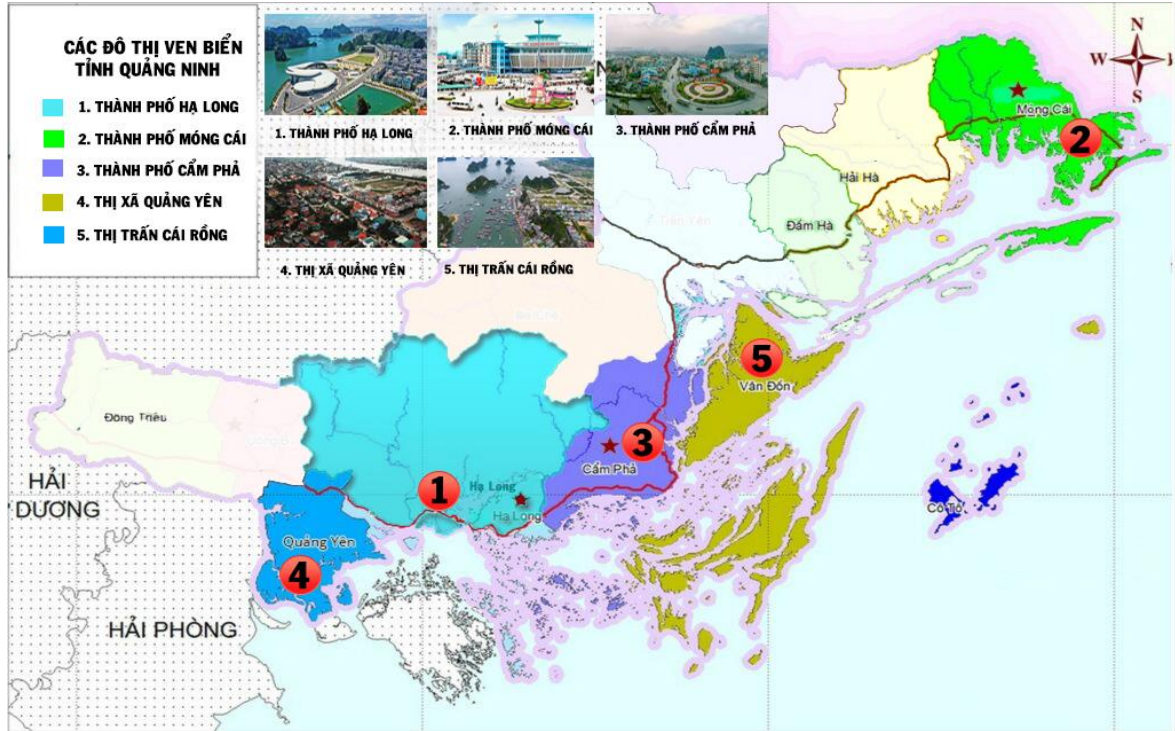
### 1.3. Thực trạng KG,KT,CQ các đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh

#### 1.3.1. Hiện trạng phân bố không gian các đô thị ven biển

Không gian đô thị ven biển của Quảng Ninh được xác định theo hướng mở rộng, trung tâm du lịch trọng điểm ven biển của tỉnh là: Hạ Long; Quảng Yên; Vân Đồn; Cẩm



Phả và Móng Cái. Các khu, điểm du lịch đang từng bước được quan tâm đầu tư, đến nay hầu hết địa phương được công nhận các tuyến, điểm du lịch. *Phạm vi nghiên cứu bao gồm 5 đô thị ven biển: 1. Hạ Long; 2. Cẩm Phả; 3. Vân Đồn; 4. Móng Cái; 5. Quảng Yên.* Vành đai cảnh quan đô thị ven biển được thể hiện ở Hình 1.10.



Hình 1.10. Bản đồ các không gian đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh, [87]

### 1.3.2. Không gian, kiến trúc, cảnh quan các đô thị ven biển

- *Tổ chức không gian:* Nhìn chung, các đô thị đã tuân thủ các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt. Tuy nhiên, vẫn còn một số vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện.

- *Hệ thống cảnh quan đô thị ven biển:* Hệ thống cảnh quan đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh chủ yếu phát triển theo tuyến và nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch nơi có điều kiện đất đai, hoặc gắn với vùng có tài nguyên phát triển về du lịch, dịch vụ, khai thác than, công nghiệp, cảng biển hoặc tại trung tâm đơn vị hành chính cấp huyện.

- *Các công trình điểm nhấn đô thị:* Các công trình kiến trúc đặc trưng là biểu tượng của Tỉnh Quảng Ninh có vai trò là điểm nhấn, thực hiện hình thành cảnh quan phát huy các công trình này.

- *Công trình văn hóa và khu vực bảo tồn:* Hệ thống đô thị ven biển Quảng Ninh sở hữu hệ thống di sản văn hóa phong phú và độc đáo.

- *Không gian cây xanh, mặt nước:* Hiện nay, không gian xanh trong các khu được bố trí tại các lõi trung tâm và tại các khu vực công cộng và dịch vụ, kết nối được với đầy đủ hệ thống hạ tầng khác trong khu.

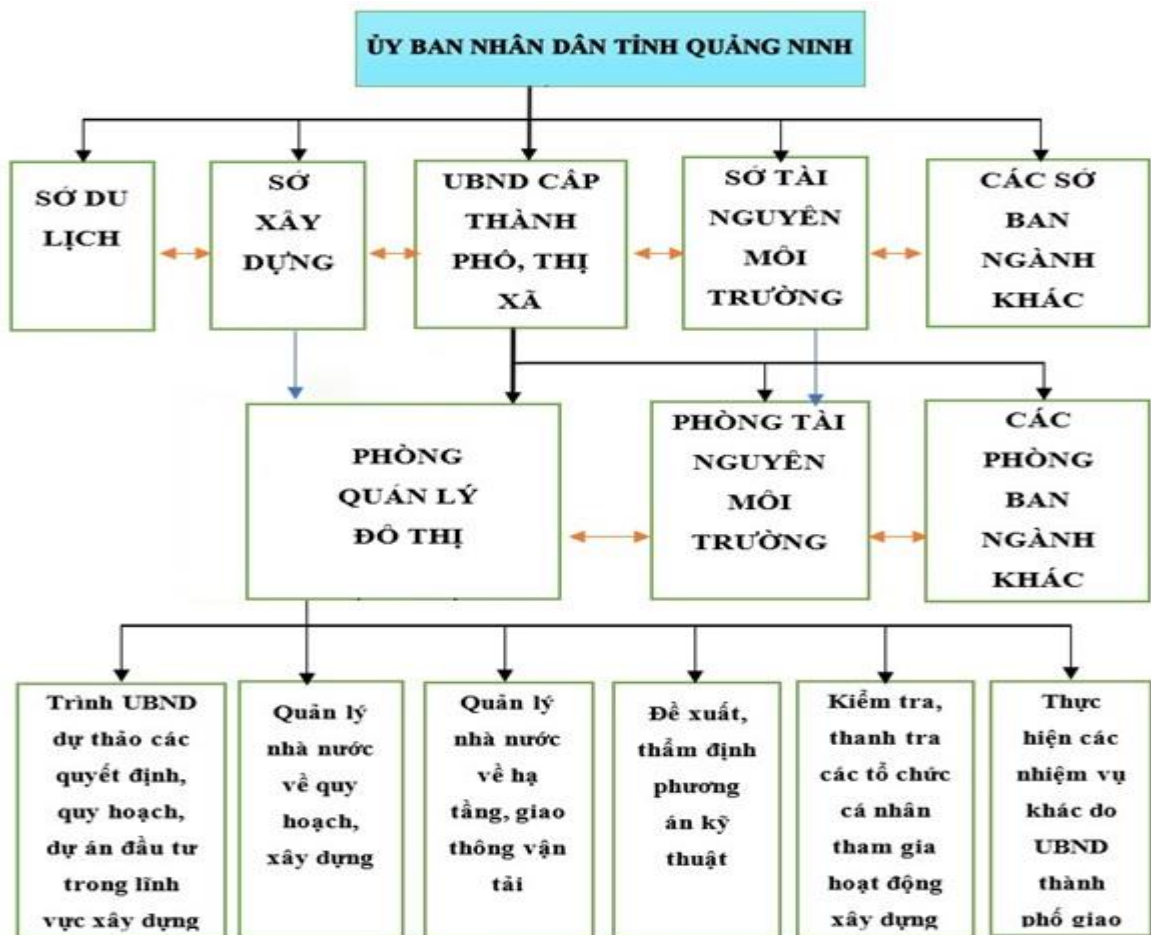
### 1.4. Thực trạng quản lý KG,KT,CQ các đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh

### 1.4.1. Công tác ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch, kiến trúc

Hiện nay, mới chỉ có Quyết định số 4331/QĐ-UBND Tỉnh ngày 31/12/2015 về việc ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố Cẩm Phả đến 2030, tầm nhìn đến 2050 và ngoài 2050 được ban hành, ngoài ra, các đô thị khác chưa có quy định cụ thể về quản lý theo quy hoạch.

### 1.4.2. Tổ chức bộ máy nhà nước về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các đô thị ven biển

Tại Quảng Ninh, trách nhiệm quản lý toàn diện về KGKTCQ do UBND Tỉnh và UBND các thành phố, huyện trực thuộc chịu trách nhiệm.



Hình 1.17. Sơ đồ cơ cấu quản lý đô thị

[Nguồn : Tổng hợp từ điều tra khảo sát của tác giả]

### 1.4.3. Thực trạng quy hoạch hệ thống đô thị ven biển

Đến nay các đô thị trong Tỉnh đã hoàn thành quy hoạch chung 13/13 đô thị đạt 100%. Quy hoạch phân khu các địa phương đạt 56,6%. Quy hoạch chi tiết xây dựng các địa phương đạt 56,9%. Công tác lập quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị đã được tăng cường. Các địa phương thực hiện nghiêm túc việc công bố, công khai các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị đã được phê duyệt.

#### **1.4.6. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan**

Công tác công bố, công khai quy hoạch và lấy ý kiến của cộng đồng chưa được coi trọng, đa phần chỉ mang tính hình thức... Ý kiến của người dân chưa được tiếp thu hết nên không đạt hiệu quả cao trong việc đóng góp ý kiến trước và sau khi ra quyết định phê duyệt Quy hoạch.

### **1.5. Thực trạng tác động của biến đổi khí hậu đến đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh**

Quảng Ninh nằm trong khu vực Vịnh Bắc Bộ, là Tỉnh ven biển thuộc khu vực nhạy cảm về BĐKH và có tính dễ tổn thương cao đối với nước biển dâng, bão, áp thấp nhiệt đới. Quảng Ninh trực tiếp chịu tác động từ các hiện tượng thời tiết cực đoan bất thường cũng như các biểu hiện khác của BĐKH như nhiệt độ, lượng mưa tăng và mực nước biển dâng.

Trong thời kỳ từ năm 1961 đến năm 2018, nhiệt độ không khí trung bình năm ở Quảng Ninh tăng xấp xỉ 0,2°C/thập kỷ, mực nước biển trung bình cũng tăng khoảng 0,25 cm/năm theo số liệu từ các trạm hải văn và 0,33 cm/năm theo số liệu từ vệ tinh. Quảng Ninh cũng đang tham gia không nhỏ tới BĐKH với lượng phát thải khí nhà kính đáng kể từ các hoạt động khai thác than và nhiệt điện than.

### **1.6. Đánh giá chung công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh**

#### **1.6.1. Kết quả đạt được**

- KGKTCQ đô thị ngày càng được phát triển và mở rộng; phát triển nhiều các khu đô thị mới; hoàn thành nhiều công trình công cộng, văn hóa, thể thao; công viên, cây xanh...; bộ mặt đô thị có nhiều khởi sắc, tạo được điểm nhấn cho đô thị (Quảng trường, công viên trung tâm, Cung văn hoá; trụ sở UBND...).

- Ở các đô thị đã hình thành Phòng Quản lý đô thị và một số đô thị có Trung tâm Quy hoạch thiết kế kiến trúc hoặc BQL dự án, công tác quản lý KGKTCQ được tập trung và phân rõ hơn.

#### **1.6.2. Hạn chế tồn tại**

- Bộ máy quản lý KGKTCQ đô thị ven biển còn nhiều hạn chế, thiếu sự phân cấp, phân công hợp lý về chức năng đối với các sở chuyên ngành trong quản lý quy hoạch KGKTCQ đô thị.

- Việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng và phủ kín quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị vẫn chưa theo kịp với tốc độ tăng trưởng của đô thị, chưa đáp ứng với yêu cầu cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch.

## **1.7. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án**

### ***1.7.1. Các nghiên cứu trên thế giới***

Tác giả đã tổng hợp phân tích đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án bao gồm: 02 công trình nghiên cứu liên quan đến không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị ven biển; 01 công trình nghiên cứu liên quan đến BĐKH và 03 công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển

### ***1.7.2. Các nghiên cứu tại Việt Nam***

Tác giả đã tổng hợp phân tích đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án bao gồm: 03 công trình nghiên cứu liên quan đến không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị; 01 công trình nghiên cứu liên quan đến đô thị và biến đổi khí hậu và 03 công trình nghiên cứu liên quan đến quản lý KGKTCQ đô thị ven biển

### ***1.7.3. Đánh giá tổng hợp các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án***

#### ***(1) Kết quả đạt được***

Đa phần các nghiên cứu trong và ngoài nước đều khẳng định đô thị ven biển muốn bền vững lâu dài phụ thuộc vào việc bảo tồn và nâng cao môi trường cũng như nâng cao hệ thống không gian, kiến trúc cảnh quan của nó. Những nguy cơ từ tác động của BĐKH toàn cầu đang là thách thức rất lớn đối với quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị ven biển thích ứng BĐKH.

#### ***(2) Tồn tại & hạn chế***

Các nghiên cứu về quản lý KGKTCQ đô thị nói chung và du lịch ven biển nói riêng đang tập trung lớn vào các vùng miền, một chuỗi các đô thị. Các nghiên cứu về vấn đề quản lý KGKTCQ cho các đô thị ven biển vẫn đang là một khoảng trống lớn cả về lý luận và thực tiễn, chưa có một công trình nghiên cứu hoàn thiện nào nghiên cứu cụ thể về quản lý KGKTCQ đô thị ven biển thích ứng BĐKH.

## **1.8. Các vấn đề cần nghiên cứu của luận án**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận thực tiễn liên quan phát triển đô thị du lịch ven biển trên thế giới và Việt Nam để có được những kiến thức tổng quan về quản lý KGKTCQ đô thị ven biển, thích ứng BĐKH, đồng thời rút ra được những kinh nghiệm, hướng đi cho nghiên cứu cũng như những mục tiêu cốt lõi khi tiến hành nghiên cứu công tác quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị du lịch ven biển tỉnh Quảng Ninh.

- Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý KGKTCQ đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh

- Đề xuất bộ tiêu chí quản lý KGKTCQ đô thị ven biển.

- Đưa ra các giải pháp quản lý KGKTCQ đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh có lưu tâm đến BĐKH. Nghiên cứu áp dụng thí điểm kết quả đạt được về quản lý KGKTCQ

tại Thành phố Hạ Long để thấy được: Tính khả thi của giải pháp cũng như tính hiệu quả và tính thực tiễn của công tác quản lý quản lý KGKTCQ đô thị ven biển có lưu tâm đến BDKH.

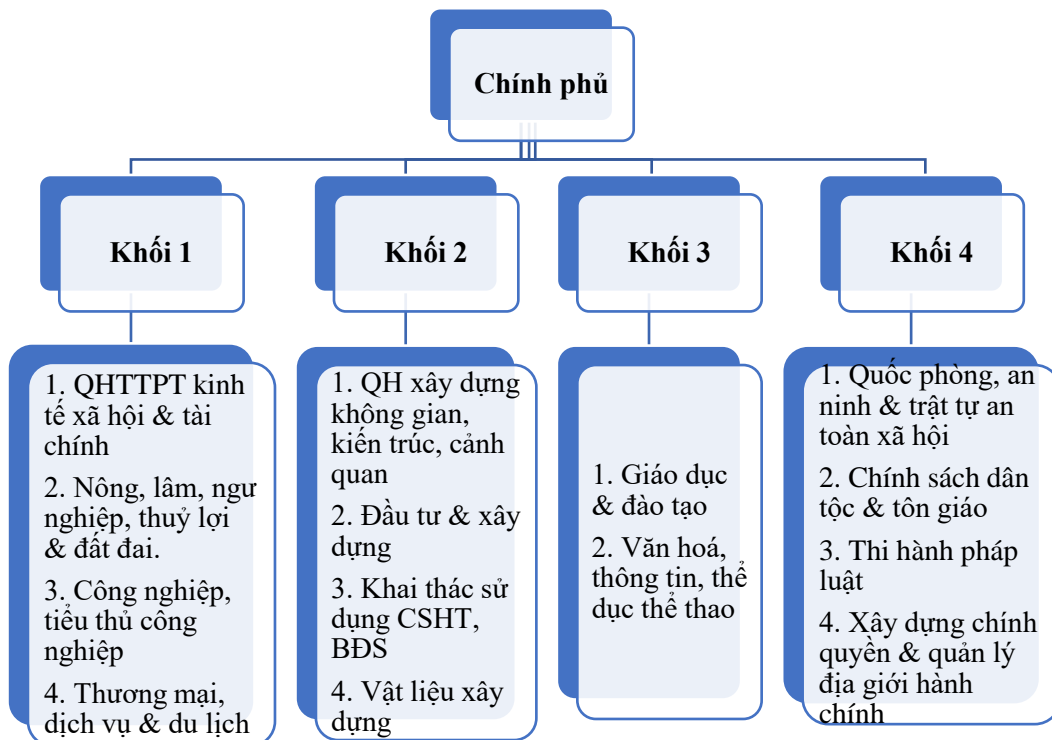
## CHƯƠNG 2: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN ĐÔ THỊ VEN BIỂN

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

#### 2.1.1. Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển

- *Tổ chức kiến trúc, cảnh quan đô thị* : Lý thuyết về tổ chức kiến trúc, cảnh quan không gian đô thị của Roger Trancik đó là: Lý thuyết nền; Lý thuyết kết nối và Lý thuyết địa điểm đề cập đến nhu cầu người sử dụng, văn hoá địa phương, bối cảnh xã hội lịch sử trong thiết kế

- *Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan* : Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị là một nội dung QLNN trong các lĩnh vực của quản lý đô thị. Vị trí của quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị thuộc khối 2 trong nội dung quản lý của Chính phủ. Nội dung QLNN về không gian, kiến trúc, cảnh quan triển khai theo các bước từ phân vùng để quản lý, xây dựng nội dung, chỉ tiêu quản lý.



Hình 2.3. Vị trí của quản lý KGKTCQ trong quản lý đô thị.

- *Chiến lược đô thị thích ứng BDKH*: Cách thức ứng phó với BDKH được chia làm hai nhóm: Thích ứng và giảm nhẹ. Các giải pháp được đưa ra đều hướng vào việc

làm thế nào để hạn chế, cắt giảm nguồn phát thải khí nhà kính là tác nhân chủ yếu gây nên hiện tượng BĐKH toàn cầu và hướng tìm giải pháp thích ứng với BĐKH, đây sẽ là công việc ưu tiên hàng đầu đối với các quốc gia chịu ảnh hưởng của BĐKH.

- *Các phương pháp về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thích ứng với BĐKH*: Bao gồm các phương pháp: Định hướng phát triển không gian đô thị trên cơ sở thân thiện với môi trường; Quy hoạch sử dụng đất và thiết kế đô thị; Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Thích ứng với nhiệt độ tăng; Thích ứng với lụt bão và thích ứng với NBD và triều cường

### **2.1.2. Các tiêu chí và xu hướng phát triển đô thị có khả năng thích ứng BĐKH tại các vùng ven biển**

#### **➤ Tiêu chí đô thị có khả năng thích ứng BĐKH**

Các tiêu chí có khả năng thích ứng BĐKH bao gồm: Tiêu chí kinh tế đô thị thích ứng BĐKH; tiêu chí văn hóa – xã hội đô thị thích ứng với BĐKH; tiêu chí môi trường – sinh thái đô thị thích ứng BĐKH; tiêu chí quản lý đô thị thích ứng BĐKH; tiêu chí cơ sở hạ tầng đô thị thích ứng với BĐKH

#### **➤ Xu hướng phát triển đô thị có khả năng thích ứng BĐKH tại các vùng ven biển**

- Tăng trưởng xanh và tạo việc làm (chú trọng vào quản lý tài nguyên thiên nhiên, du lịch sinh thái, phát triển các công trình xanh, nông nghiệp đô thị).

- Lãnh đạo và quản lý đô thị (quá trình ra quyết định có sự tham gia, hợp tác giữa các bên liên quan).

- Tăng cường mối liên kết đô thị - nông thôn (quản lý nước, phát triển nông lâm nghiệp theo định hướng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp).

## **2.2. Cơ sở pháp lý**

### **2.2.1. Các quy định về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển**

- Các văn bản luật: Luật xây dựng; Luật kiến trúc...

- Các văn bản dưới luật: Nghị định; Thông tư

- Các chiến lược quốc gia, chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng chính phủ liên quan đến quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển

- Các đề án quy hoạch liên quan: Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh; Các quy hoạch chung của 5 đô thị ven biển

### **2.2.2. Các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam**

Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050 nhằm chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do BĐKH; giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; tận dụng cơ

hội từ ứng phó BĐKH để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.

### **2.2.3. Định hướng phát triển hệ thống đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh**

Hệ thống đô thị ven biển luôn được chú trọng trong các chiến lược phát triển và quy hoạch lãnh thổ của Việt Nam. Phát triển hệ thống đô thị ven biển theo các định hướng:

- + Phát triển hệ thống đô thị ven biển thích ứng với BĐKH.
- + Phát triển hệ thống đô thị ven biển một cách đồng bộ
- + Phát triển hệ thống đô thị ven biển hài hòa lợi ích cộng đồng.

## **2.3. Các yếu tố tác động đến công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Quảng Ninh**

### **2.3.1. Điều kiện tự nhiên tại Quảng Ninh**

Tại Quảng Ninh, với đặc tính điều kiện tự nhiên điển hình của miền khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều và được phân hóa theo mùa, độ ẩm không khí trung bình cao. Điều kiện tự nhiên thể hiện qua các tiêu chí: Điều kiện địa hình, vị trí địa lý; kết cấu địa chất; điều kiện thời tiết, khí hậu

### **2.3.2. Quy mô dân số**

Quy mô dân số thể hiện qua các tiêu chí: Sự gia tăng dân số; quy mô dân số; mật độ dân số; phong tục tập quán của người dân; điều kiện sống, thu nhập bình quân của người dân

### **2.3.3. Điều kiện kinh tế**

Quảng Ninh là tỉnh có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế nhất khu vực Bắc Bộ. Với lợi thế về cảnh quan, địa hình, giáp ranh với Hà Nội và các tỉnh thành lân cận khác đã tạo động lực phát triển mạnh mẽ cho tỉnh Quảng Ninh. Điều kiện kinh tế thể hiện qua các tiêu chí: Tăng trưởng kinh tế; Xu hướng hội nhập kinh tế; Tốc độ đô thị hóa; Nguồn lực tài chính cho quản lý KGKTCQ đô thị

### **2.3.4. Thể chế, chính sách của nhà nước**

Thể chế, chính sách của Nhà nước thể hiện qua các tiêu chí: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trong quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; các chương trình, chính sách về thu hút vốn đầu tư; các chính sách về giáo dục, nâng cao dân trí; chính sách phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ; cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị

### **2.3.5. Quy hoạch đô thị**

Quy hoạch đô thị là nền tảng để phát triển đô thị nói chung, phát triển KGKTCQ nói riêng. Quy hoạch đô thị hiệu quả chính là tạo mọi điều kiện để KGKTCQ phát triển thuận lợi. Quy hoạch đô thị thể hiện qua các tiêu chí: Hiện trạng quy hoạch đô thị; chiến



lược quy hoạch đô thị

### ***2.3.6. Nguồn nhân lực cho quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị***

Nguồn lực là yếu tố không thể thiếu cho sự hoạt động hiệu quả của bộ máy quản lý KGKTCQ. Tổ chức bộ máy quản lý đô thị đủ mạnh về quy mô, tính chất, tổ chức sẽ đưa ra những quyết định sáng suốt trong công tác quản lý KGKTCQ đô thị ven biển thích ứng với BĐKH. Nguồn nhân lực cho quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị thể hiện qua các tiêu chí: Số lượng nguồn nhân lực; chất lượng nguồn nhân lực; các đầu tư phát triển nguồn nhân lực

### ***2.3.7. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý KG,KT,CQ***

Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý KG,KT,CQ thể hiện qua các tiêu chí: Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý quy hoạch; cơ chế, chính sách thu hút sự tham gia của cộng đồng vào công tác quy hoạch và xây dựng đô thị của Nhà nước

### ***2.3.8. Khoa học công nghệ***

Trong quy hoạch Tỉnh Quảng Ninh nêu rõ việc đưa khoa học và công nghệ trở thành nền tảng và động lực then chốt trong tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Bên cạnh đó nội dung chuyển đổi số là một trong hai nội dung bao trùm tất cả mọi khía cạnh trong công cuộc phát triển cũng như là nền tảng cho các hoạt động phân bố không gian của Tỉnh. Khoa học công nghệ thể hiện qua các tiêu chí: Công nghệ trong xây dựng; công nghệ quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan

### ***2.3.9. Tác động của biến đổi khí hậu đối với các đô thị ven biển***

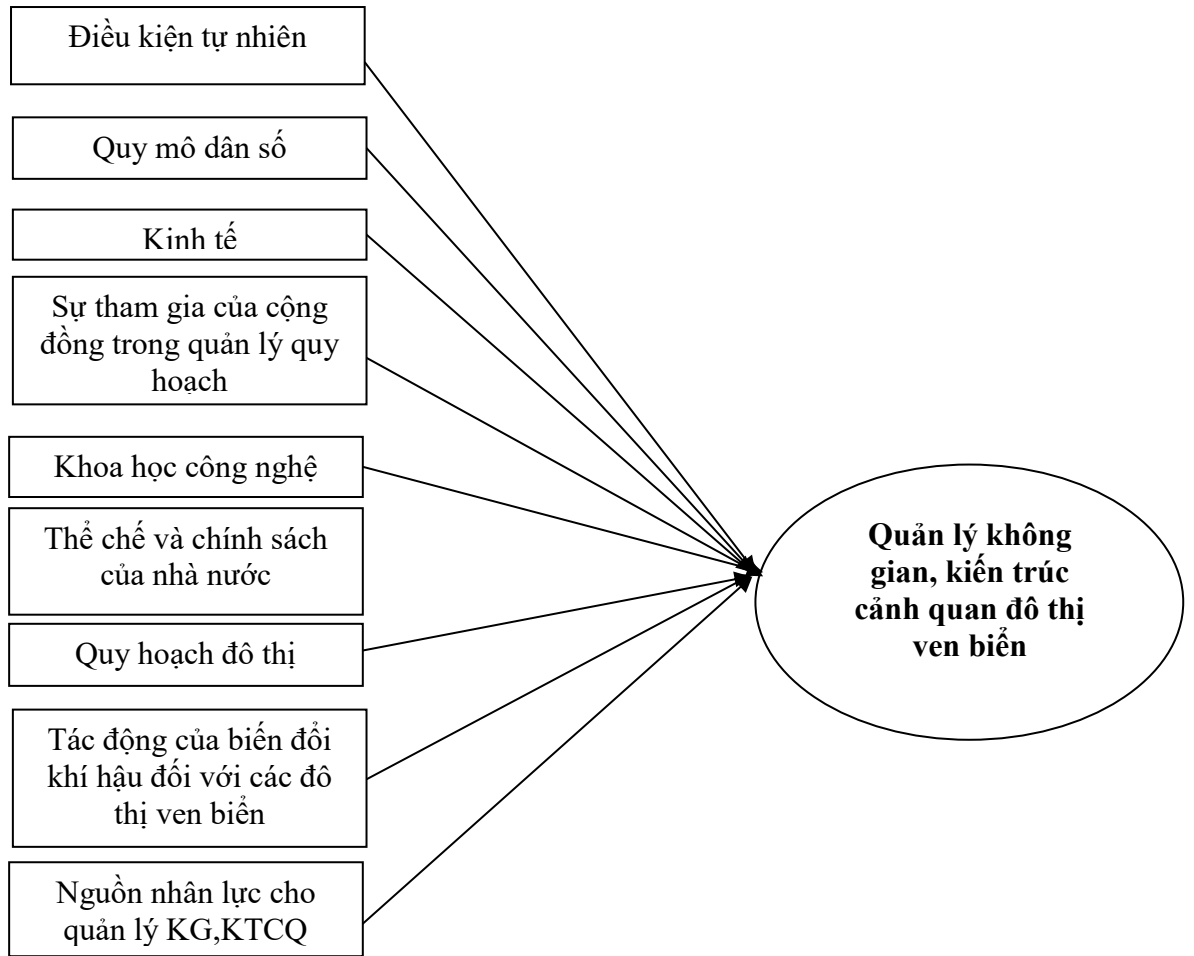
Tác động của BĐKH đối với các đô thị ven biển thể hiện qua các tiêu chí: Môi trường đô thị; quá trình khai thác khoáng sản; hoạt động sinh hoạt, sản xuất của người dân đô thị; hệ quả của BĐKH

## **2.4. Kết quả điều tra về tổ chức và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Quảng Ninh**

### ***2.4.1. Nhân tố ảnh hưởng đến quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh***

Qua nghiên cứu tổng quan tác, thực trạng về quản lý KGKTCQ của tỉnh Quảng Ninh, tham vấn ý kiến chuyên gia, tác giả đã xác định được những nhóm nhân tố có sự ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý KGKTCQ đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh





Hình 2.9: Các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển

- Biến phụ thuộc là: Kết quả công tác quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị ven biển.

- Biến độc lập là 9 nhân tố: (1) Điều kiện tự nhiên; (2) Quy mô dân số; (3) Kinh tế; (4) Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý quy hoạch; (5) Khoa học công nghệ; (6) Thể chế và chính sách của nhà nước; (7) Quy hoạch đô thị; (8) Tác động của biến đổi khí hậu đối với các đô thị ven biển; (9) Nguồn nhân lực cho quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan.

#### 2.4.2. Phương pháp điều tra khảo sát

Để nghiên cứu luận án một cách bao quát nhất, nắm bắt các đặc điểm và sự biến đổi của KGKTCQ đô thị ven biển trong bối cảnh BĐKH, Tác giả đã kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng cho đề tài nghiên cứu.

Với tính chất và mục tiêu nghiên cứu, nghiên cứu này xác định 150 phản hồi hợp lệ.

#### 4.2.3. Kết quả điều tra khảo sát

➤ **Mô hình nghiên cứu**

Trong khuôn khổ đề tài Tác giả sử dụng mô hình hồi quy ước lượng.

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \beta_8 X_8 + \beta_9 X_9$$

➤ **Kết quả điều tra**

Quá trình điều tra khảo sát được tiến hành trong 6 tháng, kết quả thu được như sau:

- Số phiếu phát ra: 230 phiếu; Số phiếu thu về: 195 phiếu và số phiếu hợp lệ là 185 phiếu

Kết quả cho thấy mức độ ảnh hưởng của các nhóm nhân tố lần lượt như sau: (1) Nhóm nhân tố thể chế chính sách của nhà nước; (2) Nhóm nhân tố quy hoạch đô thị; (3) Nhóm nhân tố điều kiện tự nhiên; (4) Nhóm nhân tố nguồn nhân lực cho quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; (5) Nhóm nhân tố khoa học công nghệ; (6) Nhóm nhân tố về tác động của biến đổi khí hậu đối với các đô thị ven biển; (7) Quy mô dân số; (8) Nhóm nhân tố về kinh tế; (9) Nhóm nhân tố về sự tham gia của cộng đồng trong quản lý quy hoạch

Kết quả tính toán được hệ số Cronbach Alpha 0,884. Kết quả này chứng tỏ BCH khảo sát hoàn toàn thỏa mãn yêu cầu về độ tin cậy của thang đo.

**Bảng 2.1. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach's Alpha**

Cronbach's Alpha	N of Items
.884	33

*Kết quả chi tiết được thể hiện tại phụ lục 7.*

## **2.5. Kinh nghiệm quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các đô thị ven biển**

### **2.5.1. Kinh nghiệm quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan ứng phó với BĐKH tại Việt Nam**

➤ *Kinh nghiệm thành phố Đà Nẵng*

Các quy hoạch, kế hoạch, phát triển kinh tế, xã hội, phát triển ngành lĩnh vực ở cấp thành phố, cấp quận huyện được lồng ghép, triển khai các biện pháp ứng phó với BĐKH trên địa bàn.

➤ *Kinh nghiệm thành phố Nha Trang*

Công tác lập quy hoạch được triển khai minh bạch, có ý kiến đóng góp về ý tưởng quy hoạch của các chuyên gia, tư vấn và các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước.

### **2.5.2. Kinh nghiệm quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển thích ứng với BĐKH trên thế giới**

➤ *Thành phố Seoul, Hàn Quốc*

Vùng thủ đô Seoul bao gồm cả thành phố cảng lớn Incheon và Tỉnh Gyeonggi là

vùng đô thị lớn thứ hai thế giới sau Vùng thủ đô Tokyo, chiếm một nửa dân số Hàn Quốc cùng với hơn 1.000.000 người nước ngoài. Nơi đây trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của quốc gia này. Thành phố đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc và được xem là nơi khởi nguồn của “Kỳ tích sông Hán”.

➤ *Singapore*

Singapore là một quốc đảo bao gồm đảo chính và 63 đảo nhỏ, trong đó có 20 đảo có người ở, nằm rải rác ở eo biển Singapore, tỷ lệ đô thị hóa là 100%. Chiến lược phát triển của Singapore là xây dựng đất nước thành một khu vườn chung của mọi người, trong đó không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị là một phần quan trọng trong đời sống của người dân. Cơ quan quản lý hệ thống không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị là Tổng Cục công viên quốc gia (National Parks).

**2.5.3. Các bài học rút ra**

- Phân quyền quản lý KGKTCQ
- Xây dựng cơ sở pháp lý
- Hệ thống các đồ án quy hoạch, Quy chế, quy định quản lý
- Vai trò của cộng đồng

### **CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN ĐÔ THỊ VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NINH**

#### **3.1. Quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh**

- Quan điểm: quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh gắn liền với việc đánh giá và dự báo mức độ tác động của BĐKH.

- Mục tiêu: xác định được các thách thức và cơ hội của biến đổi khí hậu đối với quá trình phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Nguyên tắc: Việc quản lý KGKTCQ đô thị phải tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng theo quy định của Nhà nước, quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

#### **3.2. Một số yêu cầu về Quản lý Không gian kiến trúc cảnh quan đô thị ven biển**

- Tôn trọng và phát huy yếu tố cây xanh, mặt nước trong không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

- Kiểm soát công trình cao tầng
- Thích ứng biến đổi khí hậu

#### **3.3. Đề xuất bộ tiêu chí quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển**

Luận án đề xuất 05 nhóm tiêu chí để quản lý KGKTCQ đô thị ven biển thích ứng

BĐKH: (1) Quy hoạch; (2) Tổ chức không gian kiến trúc ; (3) Cảnh quan đô thị; (4) Hạ tầng kỹ thuật (5) Các tiêu chí khác cụ thể:

- Quy hoạch bao gồm: Sử dụng đất; Mật độ xây dựng và không gian cây xanh mặt nước.

- Kiến trúc gồm: Các công trình kiến trúc đô thị; Điểm nhấn đô thị

- Cảnh quan đô thị bao gồm: Bảo tồn; Kiểm soát xây dựng; Phát huy hình thái không gian kiến trúc khi vực và hệ sinh thái

- Hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Giao thông; cấp nước sinh hoạt; Xử lý nước thải sinh hoạt; Chất thải rắn; Hệ phố đường đi bộ trong không gian công cộng; Tiết kiệm năng lượng

- Các tiêu chí khác bao gồm: Tiện ích đô thị khác; Hạ tầng quan trọng có khả năng chống chịu với thiên tai; Hạ tầng y tế và giáo dục có khả năng chống chịu với thiên tai; Vật liệu xây dựng.

### **3.4. Các giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh**

#### ***3.4.1. Hoàn thiện khung pháp lý, công cụ, cơ sở dữ liệu quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển***

Cần thực hiện hoàn chỉnh và bổ sung đồng bộ các hệ văn bản pháp luật cũng như thống tiêu chuẩn – quy chuẩn thiết kế trong đó có đề cập đến các vấn đề ứng phó với BĐKH trong thiết kế công trình đặc biệt đối với các hiện tượng chính là ngập úng, đảo nhiệt đô thị, gió – bão trong đô thị và bức xạ nhiệt. Bên cạnh đó cũng hướng tới yêu cầu thiết kế phù hợp hơn để xây dựng lại những công trình đã bị tàn phá bởi sự cố sau thiên tai. Xây dựng quy chế kiểm soát việc thực thi quy hoạch và điều chỉnh, cải thiện các công trình xây dựng nhằm mục đích quản lý rủi ro cục bộ BĐKH.

#### ***3.4.2. Rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch***

Rà soát lại các quy hoạch tổng thể và quy hoạch ngành tại các đô thị phải đối mặt với mực nước biển dâng. Mọi quy hoạch, dự án ở những vùng ven biển, cửa sông đều phải tính tới yếu tố ổn định của địa mạo và yếu tố NBD một cách cụ thể. Ví dụ, với thành phố Hạ Long, khu vực Cao Xanh, Hà Khánh, Hà Lâm đang là khu vực có hiện tượng ngập lụt nhiều nhất tại Hạ Long. Như vậy, trong quy hoạch phân khu, cần lưu ý đến các biện pháp thích ứng với hiện tượng này.

#### ***3.4.3. Giải pháp phân vùng quản lý không gian các đô thị ven biển và trình tự thực hiện***

Phân vùng quản lý không gian các đô thị ven biển

**Bảng 3.2. Phân vùng không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh**

STT	Vùng	Tính chất vùng	Khoảng lùi (tính từ đường thủy triều)	Công trình được phép xây dựng	Xếp hạng mức độ tổn thương do BĐKH
1	Vùng 1	Khu vực đệm sinh thái	$\geq 50 - 100$ m	Cấm xây dựng	I
2	Vùng 2	Khu vực gần biển	$\geq 100 - 200$ m	Công trình cấp IV	II
3	Vùng 3	Khu vực đô thị trung tâm	$\geq 200 - 300$ m	Công trình $\leq$ cấp III	III
4	Vùng 4	Khu vực ngoại vi thành phố	$\geq 300$ m	Công trình $\leq$ cấp II	IV
5	Vùng 5	Khu vực giáp biển	$\geq 500$ m	Công trình cấp I	V

#### 3.4.4. Giải pháp Quản lý đối với đô thị, kiến trúc

Để quản lý hiệu quả các công trình kiến trúc, cần thiết tái cấu trúc không gian vùng ven biển hướng tới nền kinh tế du lịch xanh, thích ứng với BĐKH và kế thừa cấu trúc cũ để bảo tồn di sản văn hoá và thiết chế xã hội. Các giải pháp cụ thể dựa trên quy hoạch chi tiết được duyệt, tuân thủ quy chế quản lý không gian đô thị của chính quyền đô thị, Bộ tiêu chí quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị ven biển thích ứng BĐKH (tại mục 3.4) và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (QCVN 01: 2021/BXD, TCVN 9411: 2012...).

- Quy định chặt chẽ về không gian
- Quy định về hình thái không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển
- Xây dựng công trình thích ứng với BĐKH
- Cải thiện công trình công cộng
- Ưu tiên màu sắc, vật liệu có độ bền cao
- Kiểm soát và quản lý chặt chẽ tổ chức không gian khu vực bảo tồn và công trình di tích, danh thắng

#### 3.4.5. Giải pháp Quản lý cảnh quan môi trường

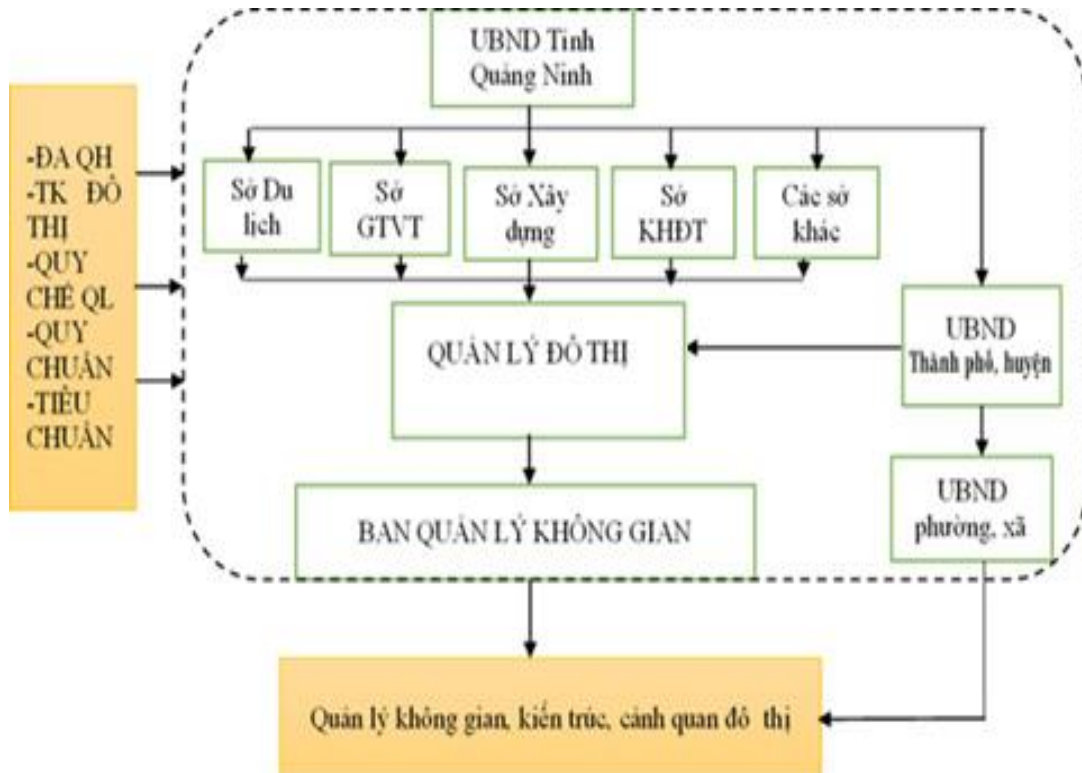
- *Gia tăng không gian xanh*: Cây xanh sử dụng công cộng (dải cây xanh đường phố, quảng trường, công viên, vườn hoa, vườn dạo..., bao gồm cả diện tích mặt nước nằm trong các khuôn viên các công trình này và diện tích cây xanh cảnh quan bên Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long và các khu vực quảng trường, công viên) cần được quy hoạch bố trí hợp lý.

- *Công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật*: Tăng cường phát triển hệ thống giao thông công cộng; khuyến khích phát triển phương tiện cá nhân xe đạp, xe điện; hạn chế

xe cơ giới, giảm thiểu phát thải ra môi trường ( tỷ lệ người dân tham gia giao thông công cộng đến năm 2035 tối thiểu 35%; người dân sử dụng xe đạp, xe điện  $\geq 20\%$ ).

### 3.4.6. Giải pháp tổ chức bộ máy, mô hình quản lý

- Đề xuất thành lập Ban quản lý Không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, một bộ phận tách ra từ Phòng Quản lý đô thị trực thuộc Thành phố, có nhiệm vụ quản lý, cải tạo, chỉnh trang các khu vực đô thị, duy tu, cải tạo chỉnh trang kiến trúc các công trình mặt phố, tuyến phố, khu dân cư, quảng trường, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường theo danh mục kế hoạch hàng năm UBND thành phố giao.



Hình 3.15. Mô hình quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị ven biển

[Nguồn: Đề xuất của tác giả]

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện quy hoạch xây dựng, nâng cao khả năng tích hợp, lồng ghép các yếu tố ứng phó với BĐKH trong lập và triển khai quy hoạch.

### 3.4.7. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan

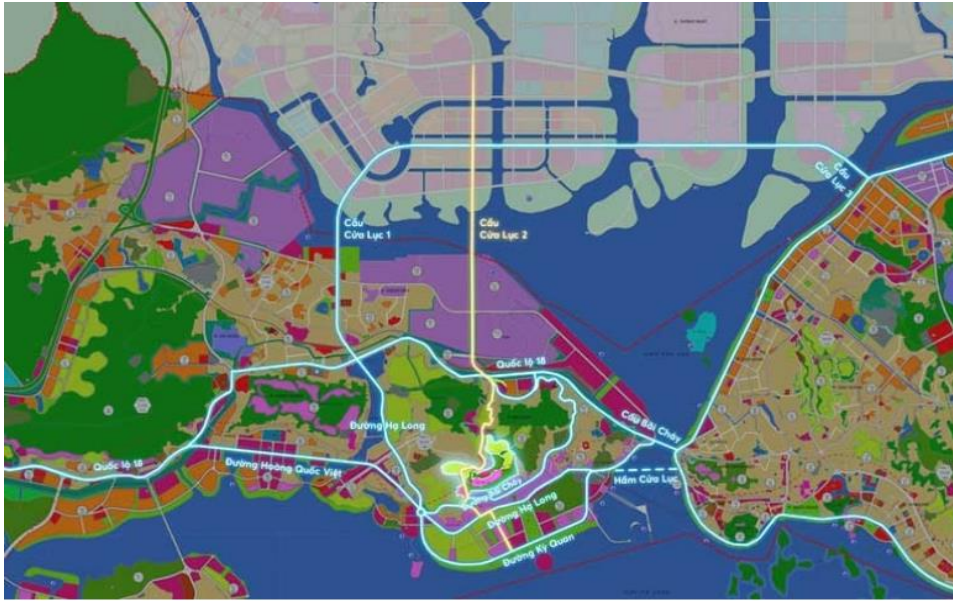
- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác lập quy hoạch
- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong đầu tư xây dựng và khai thác sử dụng
- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc kiểm tra, giám sát

## 3.5. Áp dụng thí điểm kết quả nghiên cứu quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Hạ Long

### • Giới thiệu thành phố Hạ Long

Thành phố Hạ Long trở thành đô thị loại I trực thuộc Tỉnh có diện tích lớn nhất

cả nước với tổng diện tích đất liền là 1.119,36 km



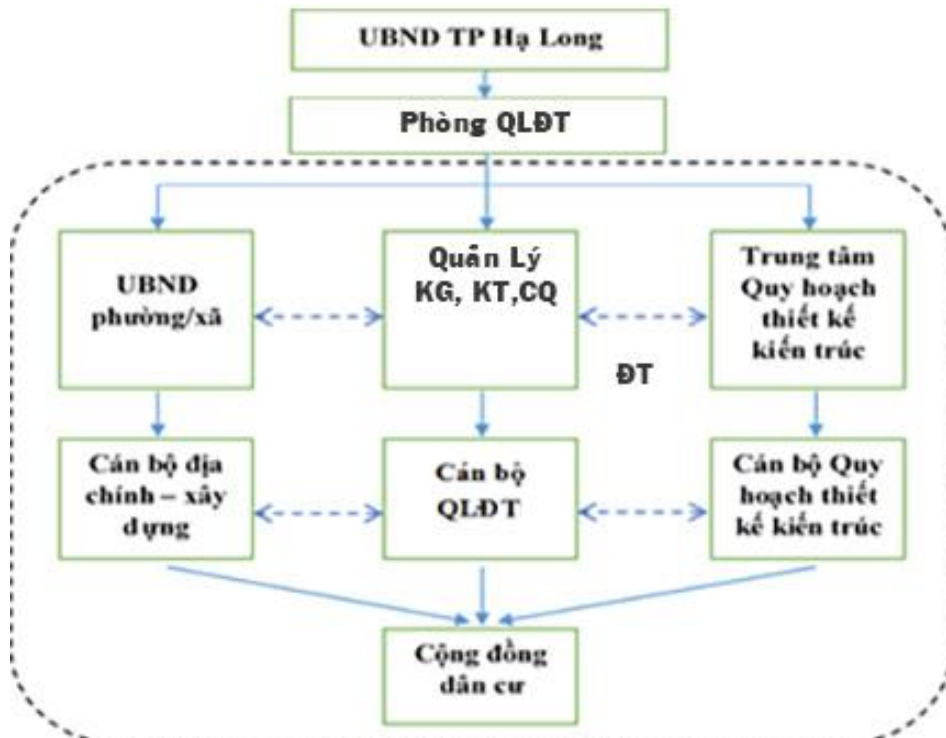
Hình 3.18. Bản đồ quy hoạch thành phố Hà Long khu vực trung tâm

[Nguồn: UBND TP Hà Long]

- **Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thành phố Hà Long**

Ngoài những quy định chung theo đề xuất ở mục 3.4.3, thành phố Hà Long cần có thêm các giải pháp như:

Đề xuất cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý KGKTCQ như sau:



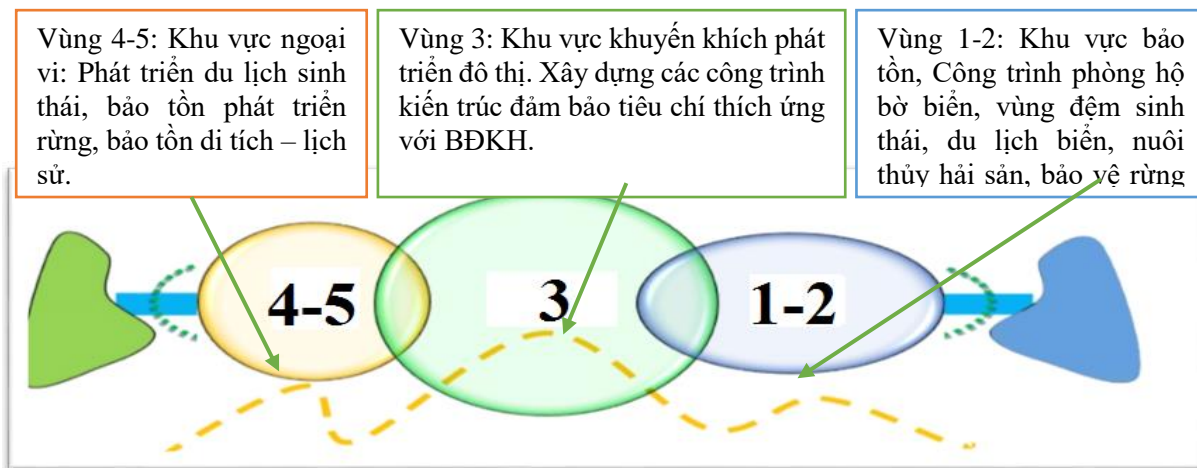
Hình 3.20. Đề xuất xây dựng bộ máy quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan Thành phố Hà Long

Đề xuất phân chia không gian đô thị TP Hà Long thành 5 vùng KGKTCQ nhằm

thích ứng với BĐKH bao gồm:

- + Vùng 1 - Vùng bảo tồn nghiêm ngặt;
- + Vùng 2 - Vùng gần biển;
- + Vùng 3: Vùng đô thị trung tâm;
- + Vùng 4-5: Vùng ngoại vi và giáp biên (Vùng đồi núi).

Các vùng được quản lý theo những nguyên tắc, giải pháp chung cho các đô thị ven biển tỉnh Quảng Ninh. Bên cạnh đó, các giải pháp quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan theo từng vùng cụ thể



Hình 3.22. Hình thái cấu trúc không gian khu đô thị ven biển đảm bảo thích ứng với BĐKH

### 3.6. Bàn luận kết quả nghiên cứu

- **Tính khả thi của giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Quảng Ninh**

Luận án đưa ra các nhóm giải pháp đề xuất rất cụ thể chi tiết từng giải pháp, các chỉ số, làm rõ được phân vùng kiểm soát quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị du lịch ven biển thích ứng BĐKH.

#### 3.6.2. Tính hiệu quả về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Quảng Ninh

Giải pháp đề xuất rõ ràng về lý luận cũng như đưa ra rất cụ thể chi tiết giải pháp, các tiêu chí, làm rõ được phân vùng kiểm soát trong khu đô thị ven biển Quảng Ninh, đưa vị trí có thể xây dựng nguyên tắc để cho phép xây dựng và các yêu cầu hình thái kiến trúc đô thị ven biển thích ứng BĐKH. Ngoài ra, các đề xuất của luận án không chỉ dừng ở các yêu cầu, nội dung quản lý mà bao gồm việc xây dựng bộ các tiêu chí cần thực hiện, quy trình cụ thể góp phần hoàn thiện khung chính sách, làm cơ sở để xây dựng các quy định quản lý, bổ sung nội dung quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan khu đô thị ven biển.



### **3.6.3. Tính thực tiễn và áp dụng nhân rộng giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển**

#### *\* Tính thực tiễn của luận án*

Qua khảo sát, phân tích hiện trạng khu vực, đồng thời căn cứ vào các hướng dẫn Phân loại KGKTCQ khu đô thị ven biển; Phân vùng quản lý khu đô thị ven biển, Luận án nhanh chóng xác định được giải pháp quản lý cụ thể gồm: Bảo tồn, tôn tạo; Đầu tư, xây dựng; Khai thác, sử dụng KGKTCQ tại các đô thị ven biển. Bước tiếp theo, dựa trên Bộ tiêu chí, đưa ra các nhóm giải pháp cụ thể.

#### *\* Áp dụng nhân rộng*

Do luận án được nghiên cứu và kế thừa, tích hợp từ lý luận khoa học, thực tiễn bài học phát triển quy hoạch- kiến trúc các đô thị trên thế giới và Việt Nam nên về lý luận, quan điểm, nguyên tắc, mô hình, tiêu chí và giải pháp mang tính thực tiễn hoàn toàn có thể áp dụng rộng rãi ở các đô thị có điều kiện tương tự trong nước.

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

### **Kết luận**

Việt Nam sở hữu bờ biển dài có nhiều cảnh quan thiên nhiên phong phú, cùng hàng ngàn hòn đảo lớn nhỏ và hàng trăm bãi tắm cát trắng trải dài từ Bắc vào Nam, đây là điều kiện vô cùng thuận lợi để phát triển các đô thị ven biển vươn tầm thế giới. Các khu vực ven biển trong đó có Quảng Ninh có nhiều tiềm năng về cảnh quan tự nhiên và văn hóa bản địa thuận lợi để phát triển du lịch. Các đô thị ven biển cung cấp các dịch vụ, cơ sở hạ tầng và nguồn lao động phục vụ hậu cần du lịch biển. Do đó, phát triển đô thị ven biển là một trong những nội dung quan trọng nằm trong mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam, trong đó các đô thị ven biển phục vụ du lịch đóng vai trò cốt lõi.

#### **Kết quả đạt được của luận án**

- Luận án đã xác định được 9 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến Công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh. Trong đó nhóm nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến Công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh là: (1) Nhóm nhân tố thể chế chính sách của nhà nước; (2) Nhóm nhân tố quy hoạch đô thị; (3) Nhóm nhân tố điều kiện tự nhiên; (4) Nhóm nhân tố nguồn nhân lực cho quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; (5) Nhóm nhân tố khoa học công nghệ; (6) Nhóm nhân tố về tác động của biến đổi khí hậu đối với các đô thị ven biển; (7) Quy mô dân số; (8) Nhóm nhân tố về kinh tế; (9) Nhóm nhân tố về sự tham gia của cộng đồng trong quản lý quy hoạch

- Đề xuất bộ tiêu chí quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển thích ứng BĐKH.

- Đề xuất 7 nhóm giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị ven biển Tỉnh Quảng Ninh thích ứng với BĐKH.

- Áp dụng thí điểm kết quả nghiên cứu quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan thích ứng với BĐKH cho thành phố Hạ Long

### **Kiến nghị**

- Đối với trung ương : Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý có liên quan, quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với không gian kiến trúc cảnh quan và liên quan để kiểm soát chặt chẽ quy hoạch kiến trúc các đô thị toàn quốc, nhất là các đô thị ven biển.

- **Đối với UBND tỉnh Quảng Ninh:** Chính quyền tỉnh/ thành phố cần phối hợp chặt chẽ với BXD xây dựng một Chương trình Nâng cấp đô thị ven biển và Kế hoạch Hành động Nâng cấp đô thị ven biển thích ứng BĐKH cho Quảng Ninh trong khuôn khổ Chương trình Nâng cấp đô thị Quốc gia theo từng thời kỳ. Trong đó, mạng lưới kiến trúc, cảnh quan như quảng trường, công viên, vườn hoa, sân chơi các cấp là một phần không thể tách rời. Điều này cho phép xem xét toàn diện về việc làm thế nào để sử dụng tốt nhất quỹ đất công hiện tại và đưa ra các biện pháp tạo ra quỹ đất công mới, đáp ứng các ưu tiên công ích khác nhau.

- *Đối với Chủ đầu tư:* Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Tỉnh về Quy hoạch và quản lý kiến trúc đô thị các đô thị ven biển

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

### **Bài báo khoa học**

1. *Đào Phương Nam(2019); Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan tại thành phố Hạ Long, Quảng Ninh* – Tạp chí xây dựng và đô thị Số 54/2017 - Bộ xây dựng – **ISSN18593119**

### **Hội thảo khoa học**

1. *Đào Phương Nam (2018); Climate change – challenges to the urban construction planning management of coastal cities in Quang Ninh province* – Proceedings of the 2018 Vietnam Republic of Korea Internatinal Seminar – Construction Publishing House – **ISBN 978-604-82-2696-1**
2. *Đào Phương Nam (2018); Some Solutions for Mangement of Space-Architecture – Urban Landscape of Quang Ninh Province in Response to Climate Change* – 2023 Korea-Vietnam International Conference for Regional Development – The Korean Regional Development Association - **ISBN 979-11-983847-0-6**